

YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MINH BẠCH THÔNG TIN: TRƯỜNG HỢP NGÀNH ĐƯỢC PHẨM Ở VIỆT NAM

Trần Tú Vân Hà¹, Vũ Thu Hà¹, Nguyễn Thanh Long¹, Hồ Tấn Hiếu¹

1 Trường Đại học Tài chính - Marketing

* Tác giả liên hệ: Email: kathy.hatran1711@gmail.com

Ngày nhận bài: 17/04/2025 Ngày chấp nhận: 22/07/2025 Ngày đăng: 25/08/2026

DOI: 10.52932/jfmr.v17i4.912

Phụ lục 1. Đo lường các biến

Tên biến	Ký hiệu	Đo lường các biến độc lập	Kỳ vọng	Nguồn tham khảo
Biến phụ thuộc				
Chỉ số minh bạch thông tin	TRAN S	Đo bằng chỉ số được thiết lập ở mục 3.4.1		Hồ Thủy Tiên và Hoàng Mạnh Khánh (2021)
Biến độc lập				
Quy mô hội đồng quản trị	BS	Số lượng thành viên của HĐQT	+	Trương Đông Lộc và Nguyễn Xuân Thuận (2018); Viet và Lien (2022)
Tỷ suất lợi nhuận	PRO	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}}$	+	Nguyễn Thị Ái Liên và cộng sự (2023); Nguyen và Tran (2022)
Đòn bẩy tài chính	LEV	$\frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$	+/-	Jensen và Meckling (1979); Nguyễn Thúy Anh (2023); Kachouri và Jarboui (2017); Silva và cộng sự (2008); Nguyễn Thị Ái Liên và cộng sự (2023); Trương Thảo Nghi (2023); Dang và cộng sự (2019)
Quy mô công ty	FS	Log(Tổng tài sản)	+	Chiang và He (2010); Silva và cộng sự (2008); Nguyễn Thị Ái Liên và cộng sự (2023); Hồ Thủy Tiên và Hoàng Mạnh Khánh (2021)
Tỷ lệ thành viên nữ trong HĐQT	BF	Phần trăm (%) số thành viên nữ trong HĐQT	+	Trương Đông Lộc và Nguyễn Xuân Thuận (2018); Nguyen và Tran (2022)
Sự kiêm nhiệm	DUAL	Biến giả, bằng 1 nếu công ty có chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc hoặc giám đốc, bằng 0 nếu ngược lại.	-	Jensen và Meckling (1979); Chiang và He (2010); Silva và cộng sự (2008); Trương Đông Lộc và Nguyễn Xuân Thuận (2018); Hồ Thủy Tiên và Hoàng Mạnh Khánh (2021); Nguyễn Thúy Anh (2023)
Công ty kiểm toán	AUD	Biến giả, bằng 1 nếu công ty được kiểm toán bởi một trong 4 công ty kiểm toán lớn nhất (Big 4), bằng 0 nếu ngược lại	+/-	Kachouri và Jarboui (2017); Chiang và He (2010); Nguyễn Thị Ái Liên và cộng sự (2023); Hồ Thủy Tiên và Hoàng Mạnh Khánh (2021); Trương Đông Lộc và Nguyễn Xuân Thuận (2018); Trương Thảo Nghi (2023);...

Phụ lục 2. Thống kê mô tả

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Số bé nhất	Số lớn nhất
TRANS	126	1,468	0,072	1,321	1,623
BS	126	5,722	1,204	3	8
PRO	126	0,086	0,084	-0,170	0,345
LEV	126	0,360	0,201	0,092	0,965
FS	126	11,947	0,448	10,993	12,989
BF	126	0,229	0,159	0	0,600
DUAL	126	0,079	0,271	0	1
AUD	126	0,413	0,494	0	1

Phụ lục 3. Phân tích tương quan các biến

	TRANS	BS	PRO	LEV	FS	BF	DUAL	AUD	VIF
TRANS	1,000								
BS	0,358***	1,000							1,28
PRO	0,175*	0,235***	1,000						1,51
LEV	-0,381***	-0,087	-0,484***	1,000					1,41
FS	0,328***	0,299***	0,048	0,082	1,000				1,26
BF	0,002	-0,248***	-0,163*	0,020	0,074	1,000			1,23
DUAL	-0,222**	-0,152*	0,138	0,022	-0,215**	0,255***	1,000		1,24
AUD	0,463***	0,261***	0,085	-0,159*	0,236***	-0,079	-0,187**	1,000	1,16
Mean VIF									1,30

Phụ lục 4. So sánh kết quả cũ và mới sai khi điều chỉnh dữ liệu biến TRANS của FGLS

Biến độc lập	Hệ số (trước điều chỉnh)	Hệ số (sau điều chỉnh)	Ghi chú
BS	-0,334 [0,24]	-0,006 [-1,37]	Không có ý nghĩa, không đổi chiều
PRO	-0,383 [3,33]	-0,016 [-0,28]	Không có ý nghĩa, không đổi chiều
LEV	-4,707** [1,85]	-0,089*** [-2,61]	Giữ nguyên chiều tác động, tăng hệ số, có ý nghĩa thống kê
FS	3,383*** [0,92]	0,064*** [3,65]	Giữ nguyên chiều tác động, giảm hệ số, có ý nghĩa thống kê
BF	2,131* [1,17]	0,039* [1,75]	Giữ nguyên chiều tác động, giảm hệ số, có ý nghĩa thống kê
DUAL	-2,027*** [0,63]	-0,037*** [-3,22]	Giữ nguyên chiều tác động, tăng hệ số, có ý nghĩa thống kê
AUD	2,013*** [0,61]	0,038*** [3,27]	Giữ nguyên chiều tác động, giảm hệ số, có ý nghĩa thống kê
_cons	39,534*** [10,80]	0,749*** [3,67]	Giữ nguyên chiều tác động, giảm hệ số, có ý nghĩa thống kê
N	126	126	

Ký hiệu: * $p < 0,1$, ** $p < 0,05$, *** $p < 0,01$